

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Thiết bị thang máy Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng, Nhà cầu nối Nhà kỹ thuật
- Cận lâm sàng với nhà C thuộc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2437/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư dự án Thiết bị thang máy Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng, Nhà cầu nối Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng với Nhà C thuộc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6616/SXD-HĐXD ngày 22/10/2020 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Thiết bị thang máy Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng, Nhà cầu nối Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng với Nhà C thuộc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Thiết bị thang máy Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng, Nhà cầu nối Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng với Nhà C thuộc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư thiết bị thang máy Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng và Nhà cầu nối Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng với Nhà C thuộc Bệnh

viện Phụ sản Thanh Hóa nhằm góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và năng lực phục vụ cho Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc và xây dựng Hà Nội.

6. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế xây dựng

6.1. Nhà cầu nối Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng với nhà C

a) Phương án kiến trúc:

- Công trình có quy mô 04 tầng; chiều cao tầng 1 từ (3,66m đến 4,5m); chiều cao tầng 2 (3,59m đến 3,9m); chiều cao tầng 3 (3,62m đến 3,9m); chiều cao tầng 4 (3,9m đến 5,81m); chiều cao công trình (tính từ cos 0,00m đến cos mái) là 16,2m; mặt bằng công trình là hành lang đường dốc nối Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng với nhà C thuộc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.

- Sàn và đường dốc có cấu tạo gồm các lớp: trần thạch cao, trát trần vữa xi măng; sàn BTCT, sơn 1 lớp chống trượt, dải lớp cát thạch anh, sơn 1 lớp phủ epoxy, dải lớp cát thạch anh 2, sơn 2 lớp phủ epoxy; mái được xây gạch 6 lỗ và lát gạch lá nem chống nóng.

- Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát trong nhà, trát trần, trát tường ngoài nhà, cột, dầm vữa xi măng mác 75; tường trong và ngoài nhà lán sơn trực tiếp; hệ thống cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ.

b) Phương án kết cấu:

- Phần móng công trình sử dụng giải pháp kết cấu móng băng BTCT mác 300 đá 1x2; tường móng xây gạch vữa xi măng mác 50.

- Phần thân công trình sử dụng hệ kết cấu khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ; tiết diện cột điển hình 220x400mm; tiết diện dầm điển hình: 220x500mm; 220x350mm; sàn BTCT dày 120mm.

c) Phần điện, chống sét:

- Hệ thống điện lấy từ nguồn điện của nhà kỹ thuật cận lâm sàng. Dây dẫn cấp cho điện chiếu sáng bằng dây dẫn Cu/PVC 2x(1x1,5)mm²; hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 14$ dài 600mm, dây dẫn sét thép $\phi 12$; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình kích L63x63x6mm dài 2,5m; chôn sâu cách mặt đất 0,8m; dây tiếp địa bằng thép dẹt 40x4mm.

e) Phần thoát nước: Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

6.2. Bổ sung thiết bị thang máy cho Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng: Lắp mới 02 thang tại các hố thang chờ sẵn tại khu nhà.

7. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **5.609.178.000 đồng**; trong đó:

- Chi phí xây dựng : 1.460.216.000 đồng;
- Chi phí thiết bị : 3.520.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 118.873.228 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 196.022.891 đồng;
- Chi phí khác : 46.962.145 đồng;
- Chi phí dự phòng : 267.103.713 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

8. Nguồn vốn đầu tư: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.

9. Hình thức thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Thời gian thực hiện dự án: 01 năm (2020-2021).

11. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại văn bản số Tờ trình số 6616/SXD-HĐXD ngày 22/10/2020. Việc xây dựng phải có biện pháp kỹ thuật thi công được phê duyệt, đảm bảo an toàn cho công trình, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

Điều 2. Chủ đầu tư (Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(M10.22)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Dự án: Thiết bị thang máy Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng, Nhà cầu nối Nhà kỹ thuật - Cận lâm sàng với Nhà C thuộc Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Stt	Khoản mục chi phí	Thành tiền (đồng)		
		Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	Chi phí xây dựng	1.327.469.091	132.746.909	1.460.216.000
II	Chi phí thiết bị	3.200.000.000	320.000.000	3.520.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	118.873.228		118.873.228
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD	178.202.628	17.820.263	196.022.891
1	Chi phí lập Báo cáo KT-KT	82.701.324	8.270.132	90.971.457
2	Chi phí thẩm tra thiết kế	3.424.870	342.487	3.767.357
3	Chi phí thẩm tra dự toán	3.982.407	398.241	4.380.648
4	Chi phí giám sát thi công XD	43.607.360	4.360.736	47.968.096
5	Chi phí giám sát lắp đặt TB	27.008.000	2.700.800	29.708.800
6	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp	5.734.666	573.467	6.308.133
7	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT thiết bị	11.744.000	1.174.400	12.918.400
V	Chi phí khác	46.855.947	106.198	46.962.145
1	Lệ phí thẩm định BC KT-KT	522.500		522.500
2	Chi phí bảo hiểm công trình	1.061.975	106.198	1.168.173
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	31.350.000		31.350.000
4	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	8.721.472		8.721.472
5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	2.000.000		2.000.000
6	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT lắp đặt TB	3.200.000		3.200.000
VI	Chi phí dự phòng	242.821.557	24.282.156	267.103.713
	Dự phòng khối lượng phát sinh	242.821.557	24.282.156	267.103.713
	Tổng cộng (làm tròn)			5.609.178.000